TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày: 13-6-2025 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q; Sinh ngày: 05/8/1994; CCCD số 042094004381 cấp ngày 21/9/2022; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương – *Vắng mặt*

Bị đơn: Chị Phạm Thị T; Sinh ngày: 03/10/1993; CCCD số 042193014226 cấp ngày 24/6/2022; Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Q *trình bày:*

Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T kết hôn ngày 25/02/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã T, tình cảm vợ chồng khi mới cưới bình thường. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T có 02 con chung tên là Trần Khánh D sinh ngày 09/4/2016 và Trần Thị Khánh L sinh ngày 25/7/2018. Anh Q có

nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Khánh L và giao cho chị Phạm Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh D. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng thống nhất như trình bày của anh Q. Chị T xác nhận không còn tình cảm với anh Q nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T có 02 con chung như trình bày của anh Q. Từ khi ly thân năm 2021 đến nay con Trần Khánh D sống cùng chị T, con Trần Thị Khánh L sống cùng anh Q. Chị T đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh D và giao con chung Trần Thị Khánh L cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T.

+Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Trần Thị Khánh L cho anh Trần Văn Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Trần Khánh D cho chị Phạm Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Q khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung đối với bị đơn chị Phạm Thị T (có hộ khẩu thường trú tại: xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Trần Văn Q đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T là hợp pháp. Anh Q và chị T đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp và đã ly thân từ năm 2021 đến nay, anh Q xin ly hôn chị T đồng ý. Trình bày của anh Q và chị T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T có 02 con chung tên là Trần Khánh D sinh ngày 09/4/2016 và Trần Thị Khánh L sinh ngày 25/7/2018. Theo lời khai của các đương sự, đơn trình bày nguyện vọng của con, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Trần Thị Khánh L, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Trần Khánh D, con Trần Khánh D có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Xét anh Q và chị T đều có điều kiện chăm sóc con, nguyện vọng của anh Q và chị T phù hợp với nguyện vọng của con. Vì vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao anh Trần Văn Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Khánh L; Chị Phạm Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh D. Hai bên không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn Q.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T.

3. Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Khánh L sinh ngày 25/7/2018; Chị Phạm Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh D sinh ngày 09/4/2016. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Văn Q và chị Phạm Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 3631337 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho anh Q số tiền 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Văn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền